TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-03-2026
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Chiến

Ông Vũ Văn Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2025 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2026, Thông báo mở lại phiên tòa số 29/2026/TB-HNGĐ ngày 13/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lào Cai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức K**, sinh năm 2001

Nơi ĐKHKTT: Khu D, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Nguyễn Đức K kết hôn với nhau vào ngày 31/5/2021 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ Nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với gia đình nhà anh K

tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ được một thời gian ngắn thì cùng nhau đi làm ăn. Qúa trình chung sống, vợ chồng chị hòa thuận đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

Bị đơn anh Nguyễn Đức K trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Qúa trình chung sống vợ chồng anh đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh K cũng xác định không còn tình cảm với chị T nữa, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Chị T và anh K xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 18/3/2022 và Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/5/2024. Hiện cháu K1 đang ở cùng anh K, còn cháu T1 đang ở cùng chị.

Qúa trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị T và anh K thỏa thuận: Anh K là người nuôi dưỡng hai con chung và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K nhưng sau đó chị T có đơn xin thay đổi thỏa thuận. Chị T đề nghị Tòa án giao cho chị và anh K, mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Chị T đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Phú T1 và đồng ý để cho anh K nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh K đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Tòa án đã thông báo cho anh K về nội dung chị T thay đổi thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35 (sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự); điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/5/2024. Giao cho anh Nguyễn Đức K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 18/3/2022. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh K có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Chị T và anh K không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn là tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay của bị đơn là ở xã T, thành phố Hà Nội. Các đương sự có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ giải quyết nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 (sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự); điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K kết hôn ngày 31/5/2021 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ Nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự cho thấy trong quá trình chung sống, chị T và anh Khánh hòa T2 đến tháng 10/2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên sống ly thân

từ tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị T và anh K xác định không còn tình cảm với nhau nữa, chị T xin ly hôn anh K đồng ý. Xét thấy, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 18/3/2022 và Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/5/2024. Hiện cháu K1 đang ở cùng anh K, còn cháu T1 đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú T1 và giao cho anh K nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Còn anh K đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Tính đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Phú T1 được 22 tháng 07 ngày tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Thực tế hiện nay, cháu T1 đang ở ổn định cùng chị T, còn cháu K1 đang ở ổn định cùng anh K. Chị T và anh K đều có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, cần giao cho chị T và anh K mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú T1, giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K1. Chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do mỗi người đều chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị T và anh K không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; Điều 35 (sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự); điểm

b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/5/2024. Giao cho anh Nguyễn Đức K được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 18/3/2022. Chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0000127 ngày 10/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5;
- UBND xã Đan Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến